

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14/4/2023

V/v hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dinh và ông Vũ Văn Thuấn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09B/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 19xx

Nơi thường trú: Thôn B, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: , huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 19xx

Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh G vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:*

Chị và anh G tự nguyện tìm hiểu và kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy Phúc (Nay là D), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/10/2018. Sau khi kết hôn, chị và anh G chung sống hạnh phúc được đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về kinh tế, nơi ở, công việc và do anh G ham chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Chị đã nhiều lần cho anh G cơ hội nhưng anh G không thay đổi. Chị và anh G đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh G.

Về con chung: Chị và anh G có một con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 04/4/2019. Từ khi sống ly thân con chung ở cùng chị. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Hiện nay chị đang lao động tự do, cụ thể làm spa thu nhập khoảng 20.000.000 đồng một tháng (Chị là lao động tự do nên tài liệu chứng cứ để chứng minh thu nhập). Về chỗ ở, hiện nay chị và con chung đang ở cùng bố mẹ chị tại xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, có chỗ ở ổn định, kiên cố. Bố mẹ chị còn khỏe, đồng ý phụ giúp chị trông nom con chung mỗi khi chị bận đi làm. Chị cam kết đủ điều kiện nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Nguyễn Văn G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn Trường là bố đẻ anh G trình bày:*

Anh G và chị Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn từ năm 2018. Vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau đến đầu năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do tính tình không hợp và bất đồng trong cách làm ăn. Anh G và chị Q đã sống ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2022 đến nay. Khi được tòa án đến làm việc ông có nhận thay anh G các văn bản tố tụng, ông đã thông báo cho anh G, anh G đã biết việc chị Q xin ly hôn anh, nhưng vì điều kiện đang lao động tự do ở miền nam, anh G không đến Tòa án để giải quyết vụ án được. Quan điểm của anh G là đồng ý ly hôn. Về con chung, anh G và chị Q có một con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 04/4/2019. Ly hôn, quan điểm của anh G là đồng ý giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung của anh G và chị Q không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q được ly hôn anh Nguyễn Văn G; Về quan hệ con chung chị Q và anh G có một con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 04/4/2019, giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tùng A. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn G đang cư trú tại xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Anh G được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy Phúc (Nay là D), huyện Thái Thụy vào ngày 26/10/2018. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng trong công việc, nơi cư trú. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo anh G đến Tòa án để hòa giải và tham gia phiên Tòa nhưng anh G đều không đến, không có văn bản thể hiện quan điểm của mình. Chứng tỏ anh G không thiết tha gì việc đoàn tụ với chị Q. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị Q và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Q được ly hôn anh G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh G và chị Q có một con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 04/4/2019. Ly hôn, chị Q và anh G đều có nguyện vọng giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh. Vì vậy cần giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng nuôi cháu Anh là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh G và chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Q và anh G có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị

Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q ly hôn anh Nguyễn Văn G.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 04/4/2019. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Tạm hoãn cấp dưỡng đối với anh G đến khi chị Q có yêu cầu, chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Văn G có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004289 ngày 31/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã D.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

